



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 09 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia
/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng Quản lý Chất lượng**
Laboratory: **Quality Management Department**
Tổ chức /Cơ quan chủ quản: **Công ty TNHH cao su DakLak**
Organization: **DakLak Rubber Co.,Ltd**
Số hiệu/ Code: **VILAS 660**
Chuẩn mực công nhận **ISO/IEC 17025:2017**
Accreditation criteria
Lĩnh vực: **Hóa, Cơ**
Field: **Chemical, Mechanical**
Người quản lý: **Phonethida TheppanGna**
Laboratory manager: **Ms. Phonethida TheppanGna**
Hiệu lực công nhận **Kể từ ngày / 09 / 2025 đến ngày 28 / 09 / 2030**
Period of Validation:
Địa chỉ: **Làng Tha Luang, thành phố Pakse, tỉnh Champasak, CHDCND Lào**
Address: **Tha Luang village. Pakse city, Champasak province, Lao PDR**
Địa điểm: **Làng Noong Nam Khao, huyện Bachieng, tỉnh Champasak, CHDCND Lào**
Location: **Noong Nam Khao village, Bachieng district, Champasak province, Lao PDR**
Điện thoại/ Tel: **0085620 9239 9959**
Email: **Thida558899@gmail.com**
Website: **http://www. daklaoruco.com**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 660****Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa, Cơ***Field of testing: Chemical, Mechanical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Cao su thiên nhiên <i>Natural rubber</i>	Xác định hàm lượng tạp chất <i>Determination of dirt content</i>	(0.01 ~ 0.07) %	TCVN 6089:2016 (ISO 249:2016)
2.		Xác định hàm lượng tro Phương pháp A <i>Determination of ash content A method</i>	(0.16 ~ 0.83) %	TCVN 6087:2010 (ISO 247:2006)
3.		Xác định hàm lượng Nito Phương pháp bán vi lượng <i>Determination of Nitrogen content Semi-micro method</i>	(0.28 ~ 0.38) %	TCVN 6091:2016 (ISO 1656:2014)
4.		Xác định hàm lượng chất bay hơi Phương pháp tủ sấy - Quy trình A <i>Determination of volatile-matter content Oven method – A process</i>	(0.16 ~ 0.53) %	TCVN 6088-1:2014 (ISO 248-1:2011)
5.		Xác định độ dẻo Phương pháp máy đo độ dẻo nhanh <i>Dertermination of plasticity Rapid plastimeter method</i>	(24.8 ~ 52.2) Wallace	TCVN 8493:2010 (ISO 2007:2007)
6.		Xác định chỉ số duy trì độ dẻo (PRI) <i>Dertermination of plasticity retention index (PRI)</i>	(51 ~ 83) %	TCVN 8494:2020 (ISO 2930:2017)
7.		Xác định chỉ số màu <i>Dertermination of colour index</i>	(3 ~ 7) Lovibond	TCVN 6093:2013 (ISO 4660:2011)
8.		Xác định độ nhớt Mooney Phương pháp sử dụng nhớt kế đĩa trượt <i>Dertermination of Mooney viscosity Using a shearing - disc viscometer method</i>	(59.5 ~ 83.2) Mooney	TCVN 6090-1:2015 (ISO 289-1:2015)

Trường hợp Công ty TNHH cao su DakLak cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty TNHH cao su DakLak phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the DakLak Rubber Co.,Ltd that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*

